

Bản án số: 12/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 15/6/2018
Về việc: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hạnh Thu
2. Bà Nguyễn Thị Hợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ - tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 64/2018/TLST - HNGĐ ngày 02/4/2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 18/5/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2018/QĐST - HNGĐ ngày 31/5/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H (tên gọi khác Nguyễn Thị Thu H), sinh năm 1974. Địa chỉ: thôn Ô, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương. Có mặt.
2. Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân Đ (tên gọi khác Nguyễn Văn Đ) sinh năm 1967. Địa chỉ: thôn Ô, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn trình bày:

Chị và anh Nguyễn Xuân Đ trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương (nay là huyện T, tỉnh Hải Dương) ngày 02/01/1991. Sau ngày cưới vợ chồng ăn ở chung cùng với gia đình nhà chồng được khoảng 01 năm thì mua nhà ra ở riêng, chị làm thợ may, anh Đ lái xe. Tháng 4/2004 anh Đ đi lao động tại Nga đến tháng 7/2010 thì về nước. Vợ chồng hạnh phúc được gần 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Đ sống không chung thủy với chị, thường hay chửi và có lời lẽ xúc phạm chị, không tu

chị làm ăn dần tới vay nợ phải bán nhà đi trả nợ. Chị đã tự bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 01/2018 cho tới nay, còn anh Đ phải đi ở nhờ nơi khác. Chị thấy không còn tình cảm với anh Đ, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 04/9/1992 và Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 02/3/2001. Con Nguyễn Thị H đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, con Nguyễn Tuấn A hiện nay đang ở với chị. Ly hôn chị đề nghị được tiếp tục nuôi con Nguyễn Tuấn A và yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng cho con hàng tháng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, anh Đ đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án. Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Đ đến Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng anh Đ không đến và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

Bà Phạm Thị L là mẹ đẻ của anh Nguyễn Xuân Đ trình bày: Vợ chồng chị H, anh Đ hạnh phúc được khoảng 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, do bất đồng quan điểm sống, làm ăn thua lỗ dẫn tới vợ chồng phải bán nhà đi trả nợ. Chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở còn anh Đ ở nhờ nhà người khác tại thôn Ô, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương. Chị H xin ly hôn với anh Đ, Tòa án thông báo và triệu tập anh Đ đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn, bà đã thông báo cho anh Đ và giao các giấy tờ của Tòa án cho anh Đ, nay chị H xin ly hôn với anh Đ, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật, bà không nợ gì vợ chồng chị H, anh Đ và vợ chồng cũng không nợ gì bà.

Quan điểm của con Nguyễn Tuấn A nguyện vọng muốn ở với chị H.

Tại phiên tòa: Chị Nguyễn Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ, chị đề nghị được nuôi con và yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng cho con hàng tháng theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Xuân Đ vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Quá trình xây dựng hồ sơ, thu thập chứng cứ, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Trong thời hạn giải quyết vụ án, các bên đương sự không tự thỏa thuận được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án nên Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ đưa vụ án ra xét xử. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại các điều 70, 71 của BLTTDS; đối với bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 72 của BLTTDS; đối với người làm chứng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 78 của BLTTDS. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX căn cứ các điều: 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa

án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H về xin ly hôn với anh Nguyễn Xuân Đ; về con chung: giao con Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 02/3/2001 cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, anh Nguyễn Xuân Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*)/tháng; Về án phí: Buộc các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật; nhưng anh Đ không tham gia hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Bị đơn là anh Nguyễn Xuân Đ đã được triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại phiên tòa lần thứ nhất và lần thứ hai anh Đ đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Xuân Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Xuân Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương (nay là huyện T, tỉnh Hải Dương) ngày 02/01/1991. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Đ là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng hạnh phúc được gần 20 năm đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do cả hai không hòa hợp về tình cảm, bất đồng trong cuộc sống, nghi ngờ nhau về tình cảm vợ chồng, làm ăn thua lỗ phải bán nhà để trả nợ. Chị H đã về nhà bố mẹ để sống từ tháng 8/2017, anh chị sống ly thân không ai quan tâm tới ai, giữa anh chị cũng không có biện pháp gì cải thiện quan hệ tình cảm. Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh Đ thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị H cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ. Do vậy, căn cứ các điều: 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Xuân Đ là phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung: Anh, chị có 02 con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 04/9/1992 và Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 02/3/2001. Con Nguyễn Thị H đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử thấy trong suốt thời gian anh Đ đi lao động tại Nga, chị H luôn gần gũi, chăm sóc, nuôi dưỡng con. Hiện nay chị H có việc làm và thu nhập ổn định, nguyện vọng của con Nguyễn Tuấn A muốn được ở với chị H. Việc chị H trực tiếp nuôi dưỡng con cho đến khi con thành niên là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của các bên đương sự hiện nay, đồng thời không làm xáo trộn cuộc sống, không gây ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển bình thường của con chung. Do vậy giao con Nguyễn Tuấn A cho chị H nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Xét về yêu cầu cấp dưỡng cho con: Hội đồng xét xử căn cứ vào thu nhập thực tế của các bên, điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng đối với con chung, nên cần buộc anh Đ phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con với chị H là 1.200.000 đồng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, kể từ tháng 6 năm 2018 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Như vậy, là phù hợp các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản vợ chồng: Chị H, anh Đ không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn, anh Đ phải chịu án phí cấp dưỡng tiền nuôi con theo định kỳ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều: 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm c khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H (tên gọi khác Nguyễn Thị Thu H) ly hôn anh Nguyễn Xuân Đ (tên gọi khác Nguyễn Văn Đ).

2. Về quan hệ con chung: Xử giao con Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 02/3/2001 cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Buộc anh Nguyễn Xuân Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con hàng tháng mức cấp dưỡng 1.200.000 đồng (*một hai trăm nghìn đồng*)/tháng, kể từ tháng 6/2018 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Xuân Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án, mà anh Nguyễn Xuân Đ không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con nêu trên, thì anh Đ phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sơ thẩm (Hôn nhân gia đình), được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số AA/2016/0003116 ngày 02/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Anh Nguyễn Xuân Đ phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự
- UBND xã H, huyện Tứ Kỳ
- Chi cục THADS huyện Tứ Kỳ
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Văn Tú